TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN LỨC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2019/DS-ST
Ngày: 04-7-2019
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thiên Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tám

2. Bà Nguyễn Anh Thư

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trương Văn Bình Em – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 04 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 173/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2019 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2019/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2019/QĐST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ A

Địa chỉ trụ sở: 130 Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành L – Nhân viên phát triển kinh doanh.

(Văn bản ủy quyền số 13/QĐ-BLC ngày 14/3/2019; có mặt)

2. Bị đơn: Bà Lê Kim N, sinh năm 1968

Địa chỉ: Số 85B Tổ 9 Khu 8, thị trấn C, huyện C, Long An (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Văn A, sinh năm 1970

Địa chỉ: Số 85B Tổ 9 Khu 8, thị trấn C, huyện C, Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/3/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ A do ông Nguyễn Thành L là người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng trình bày:

Ngày 19/6/2014, Ngân hàng TMCP Đ A - CN Long An - PGD 24H Bến Lức (Ngân hàng) ký thỏa thuận liên kết số 017-14/TTLK với Hội Liên hiệp Hội phụ nữ thị trấn C để cho vay trả góp. Theo đó các Hội viên đáp ứng đủ điều kiện trong thỏa thuận liên kết được lãnh đạo Hội Phụ nữ và lãnh đạo UBND thị trấn C xác nhận sẽ được Ngân hàng xem xét duyệt hạn mức cho vay từng đợt theo quy định của Ngân hàng.

Bà Lê Kim N là Hội viên của Hội Phụ nữ thị trấn C từ năm 2014 nên được Ngân hàng duyệt hồ sơ với hạn mức tín dụng là 20.000.000 đồng ngày 16/10/2017 theo Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 0130284701T17004, giải ngân vào tài khoản thẻ bà N tại Ngân hàng là 0108788315

- Số tiền vay: 20.000.000 đồng *(Bằng chữ: Hai mươi triệu đồng)*

- Lãi suất: 12%/năm *(lãi suất quá hạn: 18%/năm)*

- Thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 16/10/2017 đến ngày 16/10/2018. Trả góp hàng tháng với số tiền: 2.000.000 đồng, kỳ cuối: 400.000 đồng.

- Hình thức đảm bảo nợ vay: không có tài sản đảm bảo (Tín chấp).

- Hình thức thanh toán Hợp đồng số 0130284701T17004: Bà N sẽ đóng tiền góp hàng tháng cho Ngân hàng số tiền là 2.000.000 đồng chia thành 12 kỳ đóng, số tiền đóng hàng tháng của các Hội viên sẽ được người phân công của Chủ Tịch Hội Phụ nữ đến trực tiếp Ngân hàng nộp.

Trong quá trình vay, từ ngày 16/10/2017 đến ngày 07/9/2018, bà N chỉ trả cho Ngân hàng được 10.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là 8.461.538 đồng, lãi trong hạn là 1.538.462 đồng), sau đó thì ngưng. Do bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên từ ngày 07/9/2018, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 12/3/2019, bà N còn nợ các khoản sau:

- Vốn gốc : 11.538.462 đồng

- Lãi vay trong hạn : 861.538 đồng

- Lãi quá hạn là : 1.073.077 đồng

Tổng cộng : 13.473.077 đồng.

Ngân hàng thường xuyên gọi điện thoại nhắc nhở, đến nhà làm việc bằng biên bản trên tinh thần thương lượng tạo điều kiện cho bà N thanh toán nợ, đồng thời Ngân hàng có gửi thông báo đến Hội Phụ nữ về khoản nợ này yêu cầu bà N thanh toán khoản nợ, nhưng nhận thấy bà N không có tinh thần hợp tác.

Do đó, nay Ngân hàng yêu cầu Tòa Án giải quyết:

Buộc bà N và ông A phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến hết ngày 12/3/2019 là 13.473.077 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 13/3/2019 đến ngày bà N và ông A trả hết nợ cho Ngân hàng theo lãi suất quá hạn được quy định tại Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 0130284701T17004 ngày 16/10/2017 mà các bên đã ký kết .

Bị đơn bà Lê Kim N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn A vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không có lời trình bày cũng như văn bản thể hiện ý kiến gửi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng TMCP Đ A khởi kiện yêu cầu bà Lê Kim N và ông Phạm Văn A có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền gốc và lãi là 13.473.077 đồng tính đến ngày 12/3/2019 xuất phát từ Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 0130284701T17004 ngày 16/10/2017. Bà N và ông A có hộ khẩu thường trú tại số 85B Tổ 9 Khu 8, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An nhưng theo Điều 17 của Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp được ký kết ngày 16/10/2017 giữa Ngân hàng Đ A và bà N thì hai bên thống nhất Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp là Tòa án nơi Chi nhánh/Phòng giao dịch của Ngân hàng có trụ sở. Căn cứ vào Điều 26, 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, quan hệ pháp luật là "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản", thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện Bến Lức.

Bị đơn bà Lê Kim N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn A đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà N và ông A.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 0130284701T17004 ngày 16/10/2017 của bà N với Ngân hàng được xác lập theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, có nội dung phù hợp pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử nhận định đây là hợp đồng hợp pháp, là căn cứ để giải quyết về quyền và nghĩa vụ của các bên.

[2.2] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu bà N, ông A phải liên đới thanh toán số tiền 13.473.077 đồng, thấy rằng: Trong quá trình vay, từ ngày 16/10/2017 đến ngày 07/9/2018, bà N chỉ trả cho Ngân hàng được 10.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là 8.461.538 đồng, lãi trong hạn là 1.538.462 đồng), sau đó thì ngưng. Việc bà N, ông A không thanh toán cho Ngân hàng theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ, làm cho quyền lợi của Ngân hàng bị xâm phạm. Ngoài ra, bà N và ông A là vợ chồng, số nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa bà N và ông A còn tồn tại nên ông A có nghĩa vụ liên đới cùng bà N trả nợ cho Ngân hàng. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà N, ông A vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án hoặc văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do Ngân hàng đưa ra. Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bà N và ông A có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến hết ngày 12/3/2019 là 13.473.077 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 13/3/2019 đến ngày bà N, ông A trả hết nợ cho Ngân hàng theo lãi suất quá hạn được quy định tại Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 0130284701T17004 ngày 16/10/2017 mà các bên đã ký kết .

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà N, ông A phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án. Ngân hàng TMCP Đ A được hoàn trả tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ A về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" đối với bà Lê Kim N và ông Phạm Văn A.

Buộc bà Lê Kim N và ông Phạm Văn A có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ A số tiền gốc và lãi tính đến ngày 12/3/2019 là 13.473.077 đồng (Mười ba triệu, bốn trăm bảy mươi ba nghìn, không trăm bảy mươi bảy đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 13/3/2019 cho đến khi bà N và ông A trả hết nợ gốc cho Ngân hàng theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 0130284701T17004 ngày 16/10/2017 theo khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Lê Kim N và ông Phạm Văn A phải liên đới chịu 336.827 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 336.827 đồng theo biên lai thu số 0005249 ngày 11/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Án xử sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An.
- VKSND huyện Bến Lức.
- THADS huyện Bến Lức.
- Các đương sự.
- Lưu HS, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Thiên Trang